

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án 182/2023/DS-PT

Ngày 25 tháng 08 năm 2023.

*“V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Mạnh.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hương.

Bà Ngô Thị Minh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 04 năm 2023 về việc *“V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 28/ 02/ 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2023/QĐPT-DS ngày 05 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

[1] Nguyên đơn:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1959 (có mặt).

[1.2]. Ông Huỳnh Văn E - sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, Kiên Giang.

Ông Huỳnh Văn E (*chồng bà H*), có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H theo giấy ủy quyền ngày 16/5/2022 và ngày 09/06/2023.

[2]. Bị đơn:

[2.1] Ông Trương Minh G - sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 01, ấp H, xã H, huyện Kiên Lương, Kiên Giang.

[2.2]. Bà Trương Thị T - sinh năm 1986, (vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 01, ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, Kiên Giang.

[4]. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Nguyên đơn:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/03/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là chủ sở hữu phần diện tích 14.632m² đất tọa lạc tại tổ 01, ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, đất đã được UBND huyện Hà Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 20/9/1995, thửa đất số 235-558, tờ bản đồ số 4-4, loại đất lúa (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Văn E đứng tên) vì mẹ bà H đã ủy quyền lại cho chồng bà H là ông E.

Nguồn gốc đất là do mẹ bà H là Huỳnh Thị Liên và bà H khai phá từ năm 1980 đến năm 1983 lúa thất, từ đó gia đình bà H chuyển sang trồng tràm trên phần đất này. Trong thời gian đó gia đình bà H có khai phá thêm một phần đất 5.368m². Tổng diện tích đất trên là 20.000m² (ngang 40m x dài 500m). Phần đất này gia đình bà H quản lý, sử dụng liên tục, không tranh chấp đến năm 2013. Trong năm 2013, bà H và ông Trương Minh G bắt đầu tranh chấp phần đất trên. Vào ngày 10/12/2013 bà H có nộp đơn khởi kiện ông G ra Tòa án huyện Kiên Lương lý do tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường tài sản, tuy nhiên do không thể cung cấp đủ thông tin, địa chỉ cụ thể của ông Trương Minh S, Trương Thị V, Trương Thành L (Trương Minh L), Trương Minh G nên vụ án bị đình chỉ.

Đến ngày 14/04/2014 bà H nộp đơn lên Tòa án tỉnh Kiên Giang xin xem xét lại nhưng sau khi Tòa án tỉnh Kiên Giang xem xét lại nhận thấy Tòa án huyện Kiên Lương làm đúng pháp luật nên vụ án bị đình chỉ cho đến nay. Tuy vụ án bị đình chỉ chưa giải quyết dứt điểm được nhưng trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến nay bà H là người trực tiếp chăm sóc, quản lý phần đất này. Trên phần đất này bà H bỏ tiền ra mua trồng và chăm sóc, nuôi dưỡng: gồm: 20.000 cây tràm được 12 năm, trị giá mỗi cây là 30.000đ/cây, tổng giá trị 600.000.000đ, 25 cây dừa được 1,5 năm mỗi cây giá trị hiện tại là 100.000đ/cây tổng giá trị 2.500.000đ, Đậu đũa 20 cây, đậu bắp 30 cây, mướp 08 dây, bầu 05 dây, bắt đầu có trái, Chuối 30 gốc trồng được 08 tháng giá mỗi cây 50.000đ tổng giá trị 1.500.000đ.

Tổng giá trị cây trái hoa màu trên đất là 604.500.000 đồng.

Ngày 06/11/2021 đến nay gia đình bà Trương Thị T, ông Trương Minh G nhiều lần thuê người, thuê xe để tàn phá các tài sản trên đất này, gia đình bà H có ngăn chặn, trình báo cán bộ địa chính xã H, chính quyền địa phương nhưng không

thể ngăn được sự hung hăng, vô pháp luật của bà Trương Thị T qua nhiều lần tàn phá giờ đây các tài sản trên đều mất hết không còn gì cả.

Từ những trình bày trên bà H, ông E yêu cầu giải quyết buộc ông Trương Minh G và bà Trương Thị T phải bồi thường thiệt hại về cây trồng, cây trái và hoa màu cho ông ,bà số tiền tổng cộng là 604.500.000đ (*Sáu trăm lẻ bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*).

[2] Bị đơn:

[2.1] Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn trình ông Trương Minh G trình bày:

Ông G và bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E, bởi lẽ đất phần đất này là do cha mẹ ông G, bà T khai phá và canh tác từ năm 1978 cho đến nay. Trước đây đất trồng tràm, từ năm 2021 ông G trực tiếp cải tạo thành ao nuôi tôm công nghiệp. Lúc còn sống cha mẹ ông G, bà T có cất một căn nhà trên phần đất này, sau này mẹ ông G có sửa chữa lại căn nhà trên và hiện bà T đang ở. Do ông G bà T canh tác trên phần đất của gia đình mình mà vợ chồng bà H yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu là không có căn cứ và yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ.

Đối với trình bày của bà H về việc gia đình ông G, bà T cầm cây đe dọa khi bà H ra ngăn cản việc cải tạo đất là có, bởi đất gia đình được nhà nước công nhận thì ông G và anh em ra canh tác, bà H cứ ra tranh cãi gây bức xúc cho gia đình, do đó khi bà H ra tranh cãi ông G và anh em có cầm cây và báo cho bà H biết nếu gây hấn thì sẽ bị đáp trả. Thực tế cũng chỉ cầm cây chửi qua lại chứ không có xô xát.

[2.2] Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 bị đơn bà Trương Thị T trình bày: Thông nhất theo trình bày của anh ruột là Trương Minh G đất trên là do cha mẹ khai phá và canh tác từ năm 1978 cho đến nay. Trước đây đất trồng tràm, từ năm 2021 cải tạo thành ao nuôi tôm công nghiệp. Do đó phần đất này là của gia đình bà T nên vợ chồng bà H yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên bà T không đồng ý.

[3] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST Ngày 28/ 02/ 2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E về việc yêu cầu ông Trương Minh G và bà Trương Thị T phải bồi thường thiệt hại về cây trồng và hoa màu số tiền 604.500.000đ (*Sáu trăm lẻ bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E phải chịu chi phí tố tụng tổng cộng 3.660.000đ. Khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà H nộp 10.000.000đ theo giấy nộp tiền ngày 01/7/2022 vào tài khoản của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương tại Agribank Chi nhánh Ba Hòn. Tòa án huyện Kiên Lương sẽ chi trả lại cho bà H, ông E số tiền 6.340.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 03 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 18/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương theo đó yêu cầu ông Trương Minh G, bà Trương Thị T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà với số tiền 604.500.000đ (*Sáu trăm lẻ bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) do hành vi tàn phá cây trồng hoa màu trên đất thuộc quyền sử dụng của bà.

[4]. Tại giai đoạn phúc thẩm:

[4.1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng:

Bà là chủ sử dụng của thửa đất tọa lạc tại tổ 01, ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSDĐ số D0529184 đã được UBND huyện Hà Tiên(Cũ) cấp ngày 20/06/1995 (Thuộc tờ bản đồ 4-4; Thửa số 235 có diện tích 12.592 m² và thửa số 558 có diện tích 2.040m²), ngoài tổng diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ nêu trên trong quá trình canh tác, bà có khai phá phát sinh thêm phần đất 5.368m² và tôi đã canh tác sử dụng ổn định, như vậy tổng diện tích là 20.000m² (ngang 40m dài 500m). Trong thời gian quản lý sử dụng bà đã bỏ ra tổng số tiền 604.500.000đ nhưng ông G, bà T cho rằng đất trên là của là do cha mẹ họ khai phá để lại nên ngày 06/11/2021 ông G, bà T thuê người và xe tàn phá tất cả các cây trồng, hoa màu do bà chăm sóc, đầu tư nên bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà H cho rằng bà thống nhất với sơ đồ mô tả thửa đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án huyện Kiên Lương phối hợp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang lập ngày 11/11/2022 nhưng bà không thống nhất với tờ trích đo địa chính số 250-2022 ngày 23 tháng 12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang vì không đúng với ngày tiến hành đo đạc và thẩm định tại chỗ, không có sự chứng kiến của bà vào ngày này. Đồng thời bà xác định Tờ trích đo địa chính số 250-2022 ngày 23/12/2022 không thể hiện kích thước như bà đưa ra là cạnh 1-2 là 40m, cạnh 5-6 là 40 m, chiều dài cạnh 2-5 tổng cộng là 500m. Trong khi sơ đồ trong biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2022 và Tờ trích đo địa chính số 250-2022 ngày 23/12/2022 thể hiện kích

thước cạnh 1-2 là 58,3 m, cạnh 5-6 là 26,31 m, tổng chiều dài 2-5 là (288,65 m + 83,84m + 43,25m) = 415,74m và bà cũng cho rằng diện tích đất **15.404 m²** mà trên đất có tài sản yêu cầu bồi thường thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0529184 do UBND huyện Hà Tiên cấp ngày 20/9/1995 được điều chỉnh địa danh lại ngày 30/11/2010 đứng tên chồng bà là ông Huỳnh Văn E. Đất tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được điều chỉnh địa danh lại thành ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Bị đơn: Ông Trương Minh G trình bày:

Phần đất này là do cha mẹ ông G, bà T khai phá và canh tác từ năm 1978 cho đến nay. Trước đây đất trồng tràm, từ năm 2021 ông G trực tiếp cải tạo thành ao nuôi tôm công nghiệp. Lúc còn sống cha mẹ ông G, bà T có cất một căn nhà trên phần đất này, sau này mẹ ông G có sửa chữa lại căn nhà trên và hiện bà T đang ở. Do ông G bà T canh tác trên phần đất của gia đình mình mà vợ chồng bà H yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu của bà H và ông Trương Minh G cho rằng: Phần đất diện tích **15.404 m²** có tài sản mà vợ chồng bà H yêu cầu ông và bà T bồi thường là diện tích đất của gia đình ông và nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ.03915, số vào sổ HĐ.0106 QSDĐ/2004 cấp ngày 04/3/2004 đứng tên bà Nguyễn Thị Hai. Đất tọa lạc tại ấp C, xã H huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

4.3. Tại văn bản số 146/CNVPĐKĐĐ ngày 24/07/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xác định:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà H với ông G, Tòa án huyện Kiên Lương phối hợp với các ban ngành để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương là đơn vị thực hiện công tác trích đo địa chính ngày 11/11/2022. Trên cơ sở xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương lập tờ trích đo địa chính số TĐ 250-2022 ngày 23/12/2022 .

Qua đối chiếu sổ mục kê, sổ địa chính và sơ đồ địa chính số 04 xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang thì thửa đất tranh chấp này không thuộc GCNQSDĐ số DD03915 do UBND huyện Kiên Lương cấp ngày 04/03/2004 cho bà Nguyễn Thị Hai và GCNQSDĐ số D0529184 do UBND Hà Tiên (cũ) cấp ngày 20/09/1995 cho ông Huỳnh Văn E.

[5] Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

[5.1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đương sự bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2 Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành và người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

[7.3]. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố Tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DSST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử vụ án số 10/2023/DS-ST Ngày 28/02/2023 và tuyên án cùng ngày. Ngày 13 tháng 03 năm 2023 Nguyên đơn Nguyễn Thị H kháng cáo bản án. Do đương sự thực hiện quyền kháng cáo và được miễn tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Trương Thị T, ông Huỳnh Văn E có đơn xin xét xử vắng mặt, Xét nên xét xử vắng mặt các đương sự trên là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày và yêu cầu của các bên đương sự Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật để giải quyết vụ án là “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*” để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo.

Bà H và ông Huỳnh Văn E được công nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 14.632m² tọa lạc tại tổ 01, ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, đã được UBND huyện Hà Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/9/1995, thửa đất số 235-558, tờ bản đồ số 4-4, loại đất lúa (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D0529184 do ông Huỳnh Văn E đứng tên), đất có 02 thửa 235 diện tích 12.592m² và

thửa 558 diện tích 2.040m². Bà cho rằng trong thời gian quản lý sử dụng bà đã bỏ ra vốn đầu tư trồng cây và chăm sóc hoa màu nhưng ông G, bà T cho rằng đất trên là do cha mẹ họ khai phá để lại nên ngày 06/11/2021 ông G, bà T thuê người và xe phá tất cả các cây trồng, hoa màu nên bà yêu cầu ông G, bà T bồi thường tổng số tiền 604.500.000đ.

Xét yêu cầu của bà H, ông E, Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2022, bà H đã chỉ ranh cắm mốc đo toàn bộ diện tích 14.632m² và 5.368m² bà H nêu trong đơn khởi kiện, tuy nhiên kết quả đo đạc được thể hiện theo tờ trích đo địa chính số 250-2022 ngày 23/12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương thì diện tích đất bà H yêu cầu đo không phải là thửa đất số 235 và 558 có diện tích 14.632m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D0529184.

Tại văn bản ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương và qua xác minh theo biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 08/01/2019 cho thấy bà H, ông E là người phải thi hành án đối với số nợ 209.565.900đ nên diện tích đất đã bị kê biên, đấu giá và tài sản đã giao cho người trúng đấu giá, còn thửa 235 diện tích 12.592m² có vị trí nằm cặp kênh 8 không nằm liền kề phần đất mà bà H yêu cầu đo vẽ theo tờ trích đo địa chính số 250-2022 ngày 23/12/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương.

Đối với diện tích đất 5.368m² mà bà H cho rằng do bà và mẹ bà là Huỳnh Thị Liên khai phá, qua đo đạc theo theo Tờ trích đo địa chính số TĐ 250-2022 địa điểm ấp C, xã H, huyện Kiên Lương và Sổ địa chính xã H in ngày 05/08/1996 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương cung cấp và Biên bản xác minh ngày 29/12/2022 phần đất đang tranh chấp hiện nay thuộc thửa 557 có diện tích 15.404,0m² là của ông Trương Thanh Huỳnh khai phá (nhưng trong các tài liệu, giấy tờ đứng tên Trương Thanh Hùng, (ông Trương Thanh Hùng và Trương Thanh Huỳnh là cùng một người). Ông Huỳnh là cha ruột của ông Trương Minh G và bà Trương Thị T từ đó chứng minh đất không phải của bà H khai phá như bà H trình bày.

Trong khi đó *Tại văn bản số 146/CNVPĐKKĐĐ ngày 24/07/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xác định Tòa án huyện Kiên Lương phối hợp với các ban ngành để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Lương là đơn vị thực hiện công tác trích đo địa chính ngày 11/11/2022 và lập tờ trích đo địa chính số TĐ 250-2022 ngày 23/12/2022 để Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai*

giữ bà H với ông G và thửa đất theo tờ trích đo không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0529184 do UBND huyện Hà Tiên (cũ) cấp ngày 20/09/1995 cho ông Huỳnh Văn E đứng tên.

Hiện trạng thửa đất tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2022 phần đất trên đã được cải tạo làm vuông nuôi tôm công nghiệp, các bên đương sự xác nhận trên đất không còn cây trồng hay hoa màu gì. Giá trị thiệt hại là do bà H xác định và liệt kê, bà H không có yêu cầu thẩm định giá theo mục thiệt hại kê mặc dù tại phiên tòa bà H cũng trình bày khi có sự việc tranh chấp, bà có trình báo với xã và được hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án.

Xét thấy bà H và ông E yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản mà không yêu cầu về tranh chấp quyền sử dụng đất, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa cấp phúc thẩm bà H không đưa ra được các chứng cứ chứng minh tài sản thiệt hại bà yêu cầu bồi thường có trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà và không có chứng cứ chứng minh tài sản bị xâm phạm có tồn tại trên đất mà chỉ tự liệt kê số thiệt hại theo chủ quan của bản thân bà một cách thiếu căn cứ đồng thời bà cũng không có chứng cứ để chứng minh ông G, bà T có hành vi xâm phạm gây thiệt hại cho tài sản của ông bà, trong khi đó phần diện tích đất mà bà cho rằng có tài sản bị thiệt hại không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0529184 do UBND Hà Tiên (cũ) cấp ngày 20/09/1995 đứng tên ông Huỳnh Văn E là chồng bà nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông bà là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Xét nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông G bồi thường thiệt hại tài sản 604.500.000đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng là 3.660.000đ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E không được chấp nhận nên Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E phải chịu là có căn cứ phù hợp với quy định tại điều Điều 155, Điều 157 Điều 151 BLTTDS. (Khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà H nộp 10.000.000đ, còn dư theo án sơ thẩm trả lại cho bà H là 6.340.000đ).

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí sơ thẩm:

Xét thấy Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên Tòa cấp sơ thẩm miễn án phí cho Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1

Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5.2] *Về án phí phúc thẩm:* Xét thấy Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí xét nên miễn án phí phúc thẩm cho Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 14, Điều 15, Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 6, Điều 26; điểm b khoản 1 điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157 Điều 158, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Điều 15; Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Tuyên bố:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 28/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Xử :

[1.] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E về việc yêu cầu ông Trương Minh G và bà Trương Thị T phải bồi thường thiệt hại về cây trồng và hoa màu số tiền 604.500.000đ (*Sáu trăm lẻ bốn triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

[2]. *Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Văn E không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

TAND Cấp cao tại TP. HCM;
VKSNĐ tỉnh Kiên Giang;
TAND huyện Kiên Lương;
Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
Cục thi hành án tỉnh Kiên Giang
Các đương sự;
Phòng KTNV-THA;
Tòa Kinh tế - Lao động;
Văn phòng;
Lưu hồ sơ.

Vũ Thế Mạnh